

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày 21-5-2025

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 02/01/2025 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương H, sinh năm 1963; cư trú: Số nhà 53 Quang Trung, TDP Phú Thượng, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. 0905.825786; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương N, sinh năm 1963; Ông Trần N, sinh năm 1956; cư trú: Số nhà 109 Triệu Quang Phục, tổ dân phố 3, phường Bắc Nghĩa, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đt: 0914.185639; cả hai ông, bà vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, cư trú: Số nhà 53 Quang Trung, TDP Phú Thượng, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương H trình bày:*

Từ khoảng thời gian trước năm 2000 cho đến các năm từ 2001-2005 vợ chồng ông có mở cửa hàng buôn bán bao bì tại chợ Đ. Cùng thời gian này vợ

chồng ông Ngữ, bà Nguyệt làm nghề nậu cá (buôn bán sỉ, lẻ cá biển) tại chợ Đ và Cảng cá Nhật Lệ thuộc phường P, thành phố Đ. Từ đây, ông Ngữ và bà Nguyệt có các quan hệ mua bán vật tư, vật dụng, bao bì các loại phục vụ việc buôn bán cá, ngư dân đi biển. Sau một thời gian quan hệ mua bán qua lại thì ông Ngữ, bà Nguyệt phát sinh công nợ với vợ chồng ông Hành. Khoảng cuối năm 2004 đến đầu năm 2005 gia đình ông Hành gặp biến cố nên không tiếp tục kinh doanh tại chợ Đ được nữa. Tại thời điểm ông Hành ngừng việc kinh doanh bao bì thì vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt có nợ tiền mua hàng hóa của vợ chồng ông là 14.000.000 đồng và bà Nguyệt nợ riêng tiền mặt do vay mượn là 6.500.000 đồng.

Từ đó đến nay, đã rất nhiều lần vợ chồng ông Hành yêu cầu vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt trả lại số tiền nợ trên nhưng ông Ngữ, bà Nguyệt không trả, luôn tìm cách trốn tránh và có thái độ thách thức ông Hành khởi kiện đòi nợ. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông Hành đã khởi kiện ông Ngữ, bà Nguyệt tại Tòa án nhân dân thành phố Đ để yêu cầu trả lại số tiền trên.

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 16/01/2025, ông Hành đều yêu cầu vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt trả tiền nợ gốc là 20.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/12/2006 đến ngày 31/12/2024 là 24.600.000 đồng (lãi suất 6%/năm).

Tuy nhiên, tại Đơn trình bày ngày 28/4/2025, ông Hành thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu ông Ngữ, bà Nguyệt trả số tiền gốc 20.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các bản photo giấy ghi nợ có chữ của ông Ngữ, bà Nguyệt, gồm:

- + *Giấy ghi nợ ngày 29/12/2006, tổng nợ mua hàng 14.000.000 đồng (tiền mua dây cuộn, bao lác..., hẹn ngày 21/01/2008 (âm lịch) trả bớt 2.000.000 đồng;*
- + *Giấy ghi mượn tiền ngày 22/8/2004: Nguyệt có vay anh Hành Hồng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn) hẹn ngày 25/8 trả đủ. Ngày 15/10/2004 đã trả 1.000.000 đồng, ngày 26/10/2004 đã trả 500.000 đồng.*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xuất trình bản gốc các giấy ghi nợ trên để Tòa án xác nhận đối chiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thống nhất như nội dung trình bày của chồng bà là nguyên đơn ông Trương H.

Đối với bị đơn ông Trần N và bà Trương N kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp, hòa giải,

Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trường Quang Hành rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 20.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thống nhất như nội dung nguyên đơn trình bày.

Bị đơn ông Trần N và bà Trương N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 149, 280, 385, 398, 440, 466 Bộ luật dân sự; Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1, 4 Điều 91, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi nguyên đơn đã rút.

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ngữ bà Nguyệt phải trả 14.000.000 đồng tiền hàng và bà Nguyệt phải trả 6.500.000 đồng tiền vay.

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị tuyên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí, do đó phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương H khởi kiện yêu cầu ông Trần N và bà Trương N trả tiền theo các giấy ghi nợ xuất phát từ quan hệ mua bán hàng hóa và vay mượn tiền mặt nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần N và bà Trương N có nơi cư trú là phường Bắc Nghĩa, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần N và bà Trương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương H về việc buộc bị đơn ông Trần N và bà Trương N trả lại số tiền 20.500.000 đồng mà ông Ngữ, bà Nguyệt đã nợ do mua bán hàng hóa là bao bì và tiền mặt vay mượn trong quá trình quan hệ buôn bán, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào những năm 2004, 2005, 2006 vợ chồng ông Hành, bà Hồng mở cửa hàng kinh doanh bao bì, vật tư, vật liệu phục vụ nghề đánh cá biển tại chợ Đ, còn vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt làm nghề nấu cá (buôn bán sỉ, lẻ cá biển) tại chợ Đ và Cảng cá Nhật Lệ thuộc phường P, thành phố Đ. Trong quá trình ông Ngữ, bà Nguyệt mua hàng là bao bì, vật tư, vật liệu nghề biển đã phát sinh công nợ với ông Hành, bà Hồng. Ngoài ra do là bạn hàng quen biết lâu năm nên vợ chồng ông Hành có cho bà Nguyệt mượn tiền mặt.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Trương H giao nộp cho Tòa án, gồm:

+ *Giấy ghi nợ ngày 29/12/2006, tổng nợ mua hàng 14.000.000 đồng (tiền mua dây cuộn, bao lác..., hẹn ngày 21/01/2008 (âm lịch) trả bớt 2.000.000 đồng;*
 + *Giấy ghi mượn tiền ngày 22/8/2004: Nguyệt có vay anh Hành Hồng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn) hẹn ngày 25/8 trả đủ. Ngày 15/10/2004 đã*

trả 1.000.000 đồng, ngày 26/10/2004 đã trả 500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các Giấy ghi nợ trên theo trình bày của nguyên đơn là do bà Nguyệt trực tiếp ghi vào sổ mua bán hàng hóa của nguyên đơn sau mỗi lần hai bên đối chiếu và chốt công nợ hoặc mỗi lần bà Nguyệt vay tiền mặt của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ngữ, bà Nguyệt nhưng bị đơn đã không đến Tòa án cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình theo quy định của pháp luật.

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ 14.000.000 đồng là nợ xuất phát từ việc kinh doanh buôn bán của vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt đối với vợ chồng ông Hành do đó được xác định là nợ chung của vợ chồng ông Ngữ, bà Nguyệt. Khoản nợ tiền mặt 6.500.000 đồng là do bà Nguyệt trực tiếp vay mượn của vợ chồng ông Hành. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng trình bày nguyên đơn không biết việc bà Nguyệt vay mượn tiền có thông báo cho ông Ngữ biết không nhưng mỗi lần nguyên đơn tìm gặp vợ chồng ông Ngữ để yêu cầu trả nợ thì ông Ngữ chỉ thừa nhận khoản nợ chung là 14.000.00 đồng do nợ tiền hàng còn cho rằng khoản nợ 6.500.000 đồng là nợ riêng của bà Nguyệt. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ riêng của bà Nguyệt đối với ông Hành, bà Hồng.

Xét thấy: Giấy ghi nợ viết tay ngày 29/12/2006 được lập bởi bên nợ tiền là bà Nguyệt, ông Ngữ và Giấy ghi nợ ngày 22/8/2004 được lập bởi bên nợ tiền là bà Nguyệt. Các Giấy ghi nợ này có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật về giao dịch dân sự theo các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự nên làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên nợ. Kể từ thời điểm nợ tiền cho đến nay, ông Ngữ và bà Nguyệt chưa thực hiện việc trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông Hành. Vì vậy, có căn cứ xác định bị đơn ông Ngữ, bà Nguyệt đã vi phạm nghĩa vụ trả lại tài sản trong giao dịch dân sự nói trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 166, 274, 275, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Ngữ, bà Nguyệt phải trả lại số tiền 14.000.000 đồng, buộc bà Nguyệt phải trả số tiền 6.500.000 đồng cho ông Hành, bà Hồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nhưng không có Đơn đề nghị miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ phải trả lại cho nguyên đơn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, các điều: 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 688, các điều: 116, 117, 149, 166, 280, 357, 385, 398, 440, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng: Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương H về việc buộc bị đơn ông Trần N, bà Trương N phải thanh toán tiền nợ lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương H: Buộc ông Trần N, bà Trương N phải liên đới trả cho ông Trương H, bà Nguyễn Thị H số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và buộc bà Trương N phải trả cho ông Trương H, bà Nguyễn Thị H số tiền 6.500.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí:

Ông Trương H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần N, bà Trương N liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*); bà Trương N phải chịu thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 325.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Trương H, bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Trần N, bà Trương N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Hạnh

